



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.25.02066**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định  
thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : Choline Chloride 75% Liquid  
**Số lượng/ khối lượng** : 240 thùng/ 55.200 kg  
**Ngày sản xuất** : 4/2025  
**Hãng, nước sản xuất** : Be-Long (North) Corporation, China  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : VN-BTP1S250001 ngày 22/01/2025  
Hóa đơn số : 2025BNC0013-5 ngày 14/04/2025  
Vận đơn số : EGLV 141500218514 ngày 18/04/2025  
Giấy đăng ký kiểm tra : Số 2872/HQ-GDK-TTKN ngày 29/04/2025  
Mã số hồ sơ : BNNPTNT29250034788  
**Đơn vị được cấp** : CÔNG TY CP CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM  
– CHI NHÁNH SẢN XUẤT KINH DOANH  
THỨC ĂN THỦY SẢN  
Địa chỉ: Lô A21 đến A35 Khu công nghiệp An  
Hiệp, xã Tường Đa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến  
Tre, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-  
BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và  
Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng

**Quyết định chứng nhận**

Số: 693/QĐ-TTKN

Ngày 23 tháng 5 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hà Thanh Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.25.02067**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định  
thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : Premix TW-IN  
**Số lượng/ khối lượng** : 1.410 bao/ 35.250 kg  
**Ngày sản xuất** : 19/04/2025; 24-25/04/2025  
**Hãng, nước sản xuất** : Charoen Pokphand Foods Public Co. Ltd, Thailand  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : PMX 13/2025 ngày 01/04/2025  
Hóa đơn số : 250073 ngày 02/05/2025  
Vận đơn số : CULVBKS2500764 ngày 02/05/2025  
Giấy đăng ký kiểm tra : Số 3068/HQ-GDK-TTKN ngày 07/05/2025  
Mã số hồ sơ : BNNPTNT29250035035  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY CP CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM  
– CHI NHÁNH SẢN XUẤT KINH DOANH  
THỨC ĂN THỦY SẢN**  
Địa chỉ: Lô A21 đến A35 Khu công nghiệp An  
Hiệp, xã Tường Đa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến  
Tre, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-  
BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và  
Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng

**Quyết định chứng nhận**

Số: 693/QĐ-TTKN

Ngày 23 tháng 5 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Đã Thanh Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.25.02068**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định  
thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : Premix TW-IN  
**Số lượng/ khối lượng** : 8.460 bao/ 211.500 kg  
**Ngày sản xuất** : 22/03/2025; 03-04/04/2025; 10-12/04/2025;  
16-19/04/2025  
**Hãng, nước sản xuất** : Charoen Pokphand Foods Public Co. Ltd, Thailand  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : PMX 10/2025 ngày 07/02/2025  
Hóa đơn số : 250069 ngày 04/05/2025  
Vận đơn số : HASLS22250400517 ngày 04/05/2025  
Giấy đăng ký kiểm tra : Số 3069/HQ-GDK-TTKN ngày 07/05/2025  
Mã số hồ sơ : BNNPTNT29250035021  
**Đơn vị được cấp** : CÔNG TY CP CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM  
– CHI NHÁNH SẢN XUẤT KINH DOANH  
THỨC ĂN THỦY SẢN  
Địa chỉ: Lô A21 đến A35 Khu công nghiệp An  
Hiệp, xã Tường Đa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến  
Tre, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-  
BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và  
Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng

**Quyết định chứng nhận**

Số: 693/QĐ-TTKN

Ngày 23 tháng 5 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Thạch Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.25.02069**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định  
thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : Premix 9011E  
**Số lượng/ khối lượng** : 1.410 bao/ 35.250 kg  
**Ngày sản xuất** : 21/4/2025  
**Hãng, nước sản xuất** : Charoen Pokphand Foods Public Co. Ltd, Thailand  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : PMX 10/2025 ngày 07/02/2025  
Hóa đơn số : 250069 ngày 04/05/2025  
Vận đơn số : HASLS22250400517 ngày 04/05/2025  
Giấy đăng ký kiểm tra : Số 3069/HQ-GDK-TTKN ngày 07/05/2025  
Mã số hồ sơ : BNNPTNT29250035021  
**Đơn vị được cấp** : CÔNG TY CP CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM  
– CHI NHÁNH SẢN XUẤT KINH DOANH  
THỨC ĂN THỦY SẢN  
Địa chỉ: Lô A21 đến A35 Khu công nghiệp An  
Hiệp, xã Tường Đa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến  
Tre, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-  
BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và  
Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng

**Quyết định chứng nhận**

Số: 693/QĐ-TTKN

Ngày 23 tháng 5 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Trần Thanh Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.25.02070**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định  
thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : Lysoforte Dry  
**Số lượng/ khối lượng** : 720 bao/ 18.000 kg  
**Ngày sản xuất** : 03/04/2025; 16-17/04/2025  
**Hãng, nước sản xuất** : Kemin Industries (Asia) Pte Ltd, Singapore  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : VN-BTP2S250004 ngày 06/01/2025  
Hóa đơn số : AQA002530034 ngày 29/04/2025  
Vận đơn số : IRSINHCM2536104 ngày 01/05/2025  
Giấy đăng ký kiểm tra : Số 3074/HQ-GDK-TTKN ngày 07/05/2025  
Mã số hồ sơ : BNNPTNT29250035027  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY CP CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM  
– CHI NHÁNH SẢN XUẤT KINH DOANH  
THỨC ĂN THỦY SẢN**  
Địa chỉ: Lô A21 đến A35 Khu công nghiệp An  
Hiệp, xã Tường Đa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến  
Tre, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-  
BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và  
Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng

**Quyết định chứng nhận**

Số: 693/QĐ-TTKN

Ngày 23 tháng 5 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



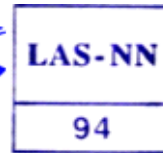
**Đã Thanh Tùng**





TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
**TRUNG TÂM VÙNG I**

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 5184/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Nguyễn Minh Hoàng  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Minh Hoàng  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 15012505579  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 19/05/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 19/05/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>   | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| Premix TW-IN<br>(BNNPTNT2925003<br>5035) | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                          | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | 1,10               | TCVN 9588:2013                  |
|                                          | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | 0,22               | TCVN 9588:2013                  |
|                                          | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |

Cần Thơ, ngày/date: 22/05/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**

**Nguyễn Đình Xuân Quý**

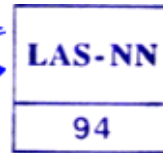
**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
**TRUNG TÂM VÙNG I**

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 5187/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Nguyễn Minh Hoàng  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Minh Hoàng  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 15012505582  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 19/05/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 19/05/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>    | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|-------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| Lysoforte Dry<br>(BNNPTNT2925003<br>5027) | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                           | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                           | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                           | Escherichia coli (*)(**)               | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                           | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 22/05/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**

**Nguyễn Đình Xuân Quý**

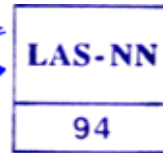
**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
**TRUNG TÂM VÙNG I**

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**ANALYTICAL REPORT**  
Số/No.: 5186/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Nguyễn Minh Hoàng  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Minh Hoàng  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 15012505581  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 19/05/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 19/05/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>   | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| Premix 9011E<br>(BNNPTNT2925003<br>5021) | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                          | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                          | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | <0,15              | TCVN 9588:2013                  |
|                                          | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | <0,05              | EN 16277:2012                   |
|                                          | Escherichia coli (*)(**)               | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                          | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 22/05/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**

**Nguyễn Đình Xuân Quý**

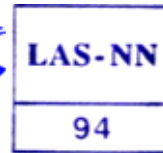
**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
**TRUNG TÂM VÙNG I**

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**ANALYTICAL REPORT**  
Số/No.: 5185/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Nguyễn Minh Hoàng  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nổi dài), phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Minh Hoàng  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 15012505580  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 19/05/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 19/05/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>   | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| Premix TW-IN<br>(BNNPTNT2925003<br>5021) | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                          | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | 1,19               | TCVN 9588:2013                  |
|                                          | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | 0,20               | TCVN 9588:2013                  |
|                                          | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |

*[Signature]*

Cần Thơ, ngày/date: 22/05/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**

*[Signature]*

**Nguyễn Đình Xuân Quý**

**Ghi chú/ Note:**

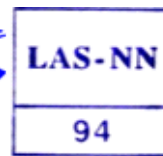
- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

*[Signature]*



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
**TRUNG TÂM VÙNG I**

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 5183/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Nguyễn Minh Hoàng  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Minh Hoàng  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 15012505578  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 19/05/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 19/05/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>                     | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| Choline Chloride<br>75% Liquid<br>(BNNPTNT2925003<br>4788) | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                                            | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                                            | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | <0,15              | TCVN 9588:2013                  |
|                                                            | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | <0,05              | EN 16277:2012                   |
|                                                            | Escherichia coli (*)(**)               | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                                            | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 22/05/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**

**Nguyễn Đình Xuân Quý**

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.